ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1005/QĐ-UBND	*Bắc Giang, ngày 27 tháng 7 năm 2012*

SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG
ĐẾN Số: 1842
30/7/12

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch phát triển bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin tỉnh Bắc Giang đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020"

CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Bưu chính ngày 28/6/2010; Luật Viễn thông ngày 4/12/2009; Luật Tần số vô tuyến điện ngày 4/12/2009; Luật Công nghệ thông tin ngày 12/7/2006;

Căn cứ Thông tư số 05/2003/TT-BKH ngày 22/8/2003 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn nội dung, trình tự, thẩm định và quản lý các dự án, quy hoạch phát triển ngành và quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội lãnh thổ;

Căn cứ Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bắc Giang đến năm 2020;

Xét đề nghị của Sở Thông tin và Truyền thông,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch phát triển bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin tỉnh Bắc Giang đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020", với những nội dung chủ yếu sau:

I. QUAN ĐIỂM VÀ MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

1. Quan điểm

- Phát triển bưu chính theo hướng tin học hóa, đa dạng hóa loại hình dịch vụ và nâng cao chất lượng dịch vụ. Phát huy mọi nguồn lực, tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế tham gia phát triển dịch vụ bưu chính, chuyển phát trong môi trường cạnh tranh lành mạnh.

- Xây dựng và phát triển hạ tầng viễn thông với công nghệ hiện đại, độ phủ rộng khắp, tốc độ và chất lượng cao. Phát triển viễn thông phục vụ sự phát triển kinh tế xã hội, xây dựng chính quyền điện tử, đảm bảo an ninh quốc phòng, an toàn và an ninh thông tin, đảm bảo cảnh quan đô thị.

- Đẩy mạnh ứng dụng và phát triển CNTT theo hướng xây dựng chính quyền điện tử, địa phương điện tử, phục vụ đắc lực công cuộc cải cách hành chính, phục vụ doanh nghiệp và nhân dân. Ứng dụng và phát triển CNTT nhanh, bền vững, hiệu quả, tiết kiệm và đảm bảo an toàn, an ninh thông tin.

2. Mục tiêu phát triển

a) Về bưu chính

- Đến 2015 bán kính phục vụ bình quân là 2,14km/điểm phục vụ. Số dân phục vụ bình quân dưới 6.340 người/điểm phục vụ. 100% xã, phường có điểm phục vụ bưu chính.

- 100% điểm bưu điện văn hóa xã cung cấp dịch vụ Internet băng rộng.

- Dịch vụ bưu chính truyền thống: tốc độ tăng trưởng 5 – 10%/năm.

- Dịch vụ bưu chính hiện đại: tốc độ tăng trưởng 20 – 30%/năm.

b) Về viễn thông

- Phát triển mạng lõi công nghệ NGN, mạng thông tin di động lên 3G.

- Ngầm hóa hạ tầng mạng viễn thông, nâng cao chất lượng dịch vụ và đảm bảo mỹ quan đô thị.

c) Công nghệ thông tin

- Mục tiêu đến 2015: bước đầu hình thành cơ quan điện tử, chính quyền điện tử gắn với xây dựng doanh nghiệp điện tử và công dân điện tử. Xây dựng thương mại điện tử, bệnh viện điện tử và trường học điện tử trên địa bàn toàn tỉnh. Cơ bản hoàn thành việc đầu tư triển khai các hệ thống phần mềm dùng chung phục vụ cho các cấp, các ngành và phục vụ nhân dân như: Cổng thông tin điện tử, một cửa điện tử, quản lý văn bản và hồ sơ công việc, thư điện tử…

- Mục tiêu đến năm 2020: cơ bản hoàn thành xây dựng cơ quan điện tử, chính quyền điện tử, doanh nghiệp và công dân điện tử tại Bắc Giang.

II. NỘI DUNG QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN BCVT VÀ CNTT

1.Quy hoạch bưu chính

a) Quy hoạch Mạng bưu cục, điểm phục vụ

Chú trọng phát triển mạng bưu cục, điểm phục vụ tại các khu công nghiệp, các điểm dân cư mới. Đến năm 2015, phát triển mới 5 điểm phục vụ bưu chính, chỉ tiêu bán kính phục vụ đạt 2,14km/điểm phục vụ, số dân phục vụ bình quân đạt 6.340 người/điểm phục vụ.

b) Dịch vụ bưu chính

Phát triển dịch vụ theo hướng đa dạng hóa, chú trọng phát triển các dịch vụ mới như: dịch vụ ngân hàng, bảo hiểm, trả lương hưu, nhờ thu, phát, thư quảng cáo...

Doanh thu dịch vụ bưu chính tăng trưởng 10-15%/năm.

Duy trì và nâng cao chất lượng các dịch vụ Bưu chính cơ bản, dịch vụ Bưu chính công ích

c) Mạng vận chuyển Bưu chính, chuyển phát

Duy trì các tuyến đường thư cấp 2 với tần suất 1- 2 chuyến/ngày.

Khuyến khích nhiều thành phần kinh tế tham gia cung cấp dịch vụ chuyển phát, đảm bảo sự cạnh tranh bình đẳng và quyền lợi người sử dụng dịch vụ.

d) Điểm Bưu điện văn hóa xã

Ổn định các điểm BĐVH xã, phát triển điểm BĐVH xã đa dạng hóa dịch vụ bưu chính, làm đại lý cho các doanh nghiệp viễn thông, ngân hàng…

Thực hiện phổ cập dịch vụ Internet cho người dân khu vực nông thôn.

e) Phát triển nguồn nhân lực Bưu chính

Tiến hành đào tạo và bồi dưỡng nguồn nhân lực bưu chính theo hướng tin học hóa, tự động hóa, đáp ứng nhu cầu đổi mới của bưu chính. Chú trọng đào tạo nguồn nhân lực điểm bưu điện văn hóa xã đặc biệt là các dịch vụ mới và đào tạo nâng cao kỹ năng sử dụng thành thạo Internet để phục vụ việc phổ cập.

2. Quy hoạch viễn thông

- Chỉ tiêu phát triển đến năm 2015:

+ Cáp quang đến 100% trung tâm xã.

+ Ngầm hóa toàn bộ mạng cáp các tuyến phố chính thành phố Bắc Giang và các thị trấn.

+ Năm 2012, đảm bảo 100% số thôn, bản có sóng di động đạt chất lượng.

+ Năm 2012, 100% các thôn được truy cập Internet băng rộng.

+ Mật độ điện thoại 113,8 máy/100 dân.

+ Mật độ internet 7,27 thuê bao/100 dân.

+ Phát triển thêm 500 trạm BTS.

a) Quy hoạch mạng viễn thông cố định

Từng bước thay thế dần các thiết bị truy nhập hiện tại bằng các thiết bị truy nhập NGN. Mạng NGN sẽ được triển khai song song với mạng chuyển mạch kênh hiện có. Đến thời điểm thích hợp sẽ loại bỏ hoàn toàn mạng TDM.

*** Giai đoạn 2012 – 2013:** Triển khai lớp truy nhập của NGN. Cung cấp các dịch vụ gia tăng trên nền NGN cho các thuê bao thông qua các Media Gateway. Mạng PSTN sẵn có sẽ được giảm tải do một phần lưu lượng chuyển sang mạng lõi NGN.

*** Giai đoạn 2014 – 2015:** Thay thế tổng đài Host bằng thiết bị Multi-service Switch, nâng cao năng lực chuyển mạch của mạng lưới. Phát triển các thuê bao mới là các thuê bao NGN.

b) Quy hoạch mạng truyền dẫn

*** Giai đoạn 2012 – 2013:**

Chú trọng xây dựng tuyến truyền dẫn mới như: Các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu đô thị mới, khu du lịch, dịch vụ; các tuyến đường mới, tuyến đường trục; phát triển tuyến truyền dẫn phục vụ cho các thiết bị IPMSAN/MxU, Media Gateway mới lắp đặt; hình thành vòng Ring giữa các huyện, thành phố, đảm bảo an toàn thông tin.

Cáp quang hóa các tuyến đường trục trên toàn tỉnh, đến trung tâm các huyện, thành phố, đến tổng đài vệ tinh các xã, liên huyện.

Ngoài ra cần cáp quang hóa đến các khu công nghiệp, các cụm khu công nghiệp tập trung.

Triển khai xây dựng mạng truy nhập quang (FTTx) tới khách hàng, đảm bảo nâng cấp đa dạng dịch vụ yêu cầu băng thông cao như: truy nhập Internet tốc độ cao, IPTV/Triple play, đa dạng dịch vụ (y tế, giáo dục...), P2P (peer2peer), truyền hình độ nét cao (HDTV, SDTV)...

***Giai đoạn 2014 – 2015:** Xây dựng hoàn thành và đưa vào sử dụng mạng chuyên dùng từ tỉnh đến các xã.

c) Quy hoạch mạng ngoại vi

*** Giai đoạn 2012 – 2013:** ngầm hóa 15 - 20% hạ tầng mạng ngoại vi trên toàn tỉnh (tính đến hệ thống tủ cáp và cụm thuê bao), tập trung vào các trục đường chính trong các khu đô thị.

*** Giai đoạn 2013 – 2015:** ngầm hóa 30 - 40% (thành phố Bắc Giang ngầm hóa đạt 65%).

d) Quy hoạch mạng thông tin di động

Quy hoạch phát triển mạng thông tin di động theo hướng sử dụng chung cơ sở hạ tầng giữa các doanh nghiệp (sử dụng chung hệ thống nhà trạm, trụ anten, cáp quang...) nhằm giảm chi phí đầu tư và đảm bảo mỹ quan đô thị.

Quy hoạch mạng thông tin di động có tính đến sự phát triển của doanh nghiệp viễn thông mới và sự phát triển công nghệ mới như: 4G...

*** Giai đoạn 2012 – 2015**

Phát triển mới 500 vị trí trạm thu phát sóng di động: mở rộng vùng phủ sóng, tăng dung lượng và chất lượng phủ sóng tại khu vực thị xã, trung tâm huyện, các điểm du lịch, khu công nghiệp; phát triển mạng 3G, 4G trên địa bàn tỉnh.

Đối với các vị trí trạm thu phát sóng quy hoạch mới: Tại khu vực trung tâm thành phố, khu công nghiệp, khu đô thị mới, khu du lịch... quy định khoảng cách tối thiểu giữa hai cột trạm phát sóng yêu cầu đạt 500m (trong phạm vi bán kính 500m bắt buộc các doanh nghiệp sử dụng chung cơ sở hạ tầng); tại khu vực nông thôn quy định khoảng cách từ 1.000 – 1.500m.

e) Quy hoạch mạng Internet

*** Giai đoạn 2012 – 2013:** Triển khai lắp đặt bổ sung thiết bị truy nhập IPDSLAM/MxU tại khu vực các xã, phường đảm bảo cung cấp dịch vụ Internet băng rộng tới 100% các thôn trên địa bàn tỉnh.

*** Giai đoạn 2013 – 2015:** Phát triển mạng internet đảm bảo khả năng phục vụ 189.500 thuê bao ADSL.

3. Quy hoạch công nghệ thông tin

a) Ứng dụng công nghệ thông tin

*** Ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan Đảng và Nhà nước**

Xây dựng hệ thống thông tin quản lý văn bản và điều hành tác nghiệp cho 100% các cơ quan nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp xã.

Xây dựng hệ thống giao ban truyền hình trực tuyến từ tỉnh đến các huyện/thành phố phục vụ cho việc hội họp của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, các Sở, ngành tỉnh với các cơ quan cấp huyện.

Triển khai hệ thống một cửa điện tử các huyện/thành phố, Sở ngành và liên thông đến cấp xã.

Xây dựng và triển khai các hệ thống thông tin quản lý và tác nghiệp chuyên ngành Sở, ban ngành, huyện/thành phố. Đảm bảo mỗi đơn vị tiến hành xây dựng từ 1-3 hệ thống thông tin phục vụ quản lý điều hành và tác nghiệp.

Cổng thông tin điện tử của tỉnh cung cấp được 100% dịch vụ công mức 2 và 15% dịch vụ công mức 3; Xây dựng được 15 cơ sở dữ liệu chuyên ngành, trong đó tập trung xây dựng 04 cơ sở dữ liệu trọng điểm phục vụ công tác điều hành và quản lý chung của các cơ quan quản lý Nhà nước (bao gồm cơ sở dữ

liệu về công dân như chứng minh nhân dân, khai sinh, khai tử; cơ sở dữ liệu về doanh nghiệp; cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường; cơ sở dữ liệu về giáo dục).

*** Ứng dụng công nghệ thông tin trong các lĩnh vực đời sống xã hội**

Trong giáo dục đào tạo:

Trang bị các phần mềm phục vụ công tác giảng dạy và học tập, quản lý giáo dục cho tất cả các trường Trung học phổ thông và trường Trung học cơ sở trên địa bàn tỉnh.

Xây dựng hệ thống phòng họp trực tuyến giữa Sở Giáo dục và Đào tạo với Bộ Giáo dục và Đào tạo, giữa Sở Giáo dục và Đào tạo với các phòng Giáo dục và Đào tạo.

Trong y tế và chăm sóc sức khoẻ:

Trang bị các phần mềm ứng dụng phục vụ cho công tác y tế tại hầu hết các bệnh viện tỉnh, bệnh viện và trung tâm y tế huyện; Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về các bệnh tật, thuốc chữa bệnh và các phương pháp phòng bệnh, khám chữa bệnh.

Xây dựng hệ thống truyền hình ảnh trực tiếp từ xa tại các bệnh viện tuyến tỉnh và tuyến huyện phục vụ việc khám, chữa bệnh với các bệnh viện tuyến Trung ương.

*** Ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ sản xuất, kinh doanh và dịch vụ**

Xây dựng website của một số doanh nghiệp cung cấp các thông tin và quảng bá sản phẩm.

Phát triển sàn giao dịch việc làm do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, cung cấp các thông tin về việc làm cho doanh nghiệp và người lao động.

Phát triển sàn giao dịch thương mại điện tử do Sở Công Thương chủ trì lên mức giao dịch trực tuyến. Đảm bảo 100% các doanh nghiệp lớn và 40% các doanh nghiệp vừa và nhỏ đều tham gia thương mại điện tử.

b) Phát triển hạ tầng công nghệ thông tin

*** Đầu tư hạ tầng CNTT trong các cơ quan nhà nước**

Đầu tư nâng cấp, bổ sung thêm máy tính cho các cán bộ công chức các cấp Sở, ban ngành, huyện/thành phố và xã/phường. Đảm bảo 100% cán bộ, công chức cấp Sở, ban ngành, huyện/thành phố và 80% cán bộ, công chức cấp xã/phường có máy tính sử dụng trong công việc.

Nâng cấp mạng LAN, kết nối WAN cho các Sở, ban, ngành và các huyện, thành phố.

Kết nối mạng LAN và Internet cho 100% cơ quan đơn vị cấp xã/phường.

*** Xây dựng mạng chuyên dụng của tỉnh:** Xây dựng mạng chuyên dụng kết nối giữa các cơ quan đơn vị cấp Sở, ban ngành, các huyện/thành phố và một số đơn vị cấp xã/phường có ứng dụng công nghệ thông tin tốt trong tỉnh bằng đường truyền cáp quang.

*** Nâng cấp và phát triển Cổng thông tin điện tử tỉnh Bắc Giang:** Phát triển mở rộng cổng thông tin điện tử thành cổng giao tiếp điện tử cho phép tích hợp, trao đổi và khai thác nhiều nguồn dữ liệu từ các cơ quan Sở, ban ngành, các doanh nghiệp của tỉnh, đồng thời kết nối với mạng thông tin Chính phủ. Đồng thời, tiếp tục chuẩn hóa và đẩy mạnh phát triển trang thông tin điện tử của các Sở/ngành, huyện/thành phố theo hướng giải pháp Portal và tích hợp lên cổng điện tử của tỉnh.

*** Phát triển hạ tầng công nghệ thông tin trong các đơn vị giáo dục**

Nâng cấp, phát triển hạ tầng công nghệ thông tin trong trường học đáp ứng nhu cầu dạy và học trên địa bàn tỉnh. Đồng thời, đầu tư xây dựng phòng máy phục vụ giảng dạy tin học, đảm bảo 100% các trường trung học cơ sở và 30% các trường tiểu học có phòng máy.

Đầu tư máy chủ cho các trường trung học phổ thông và trung học cơ sở, đảm bảo 100% các trường trung học phổ thông và 50% trung học cơ sở được trang bị máy chủ.

*** Phát triển hạ tầng công nghệ thông tin trong các đơn vị y tế:** Đầu tư trang bị máy tính, nâng cấp và xây dựng mới mạng LAN, kết nối Internet cho 100% các bệnh viện tỉnh, huyện, các trung tâm y tế tuyến huyện và 50% các cơ sở y tế cấp xã/phường.

c) Phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin

*** Đào tạo công nghệ thông tin trong các cơ quan Đảng, quản lý Nhà nước:** Đến 2015, 100% cán bộ, công chức tại các cơ quan cấp tỉnh, huyện/thành phố; trên 80% cán bộ ở các xã/phường được đào tạo cơ bản về tin học, đào tạo nghiệp vụ chung cho ứng dụng công nghệ thông tin. Tất cả các cơ quan quản lý Nhà nước của tỉnh có cán bộ lãnh đạo được đào tạo chuyên về quản lý và điều hành các dự án công nghệ thông tin, 100% cơ quan đơn vị có cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin.

*** Đào tạo công nghệ thông tin cho các đối tượng xã hội**

Tổ chức các lớp tin học đào tạo tại các xí nghiệp, nhà máy tại các khu công nghiệp cho công nhân; tổ chức các lớp tập huấn cho người dân cách sử dụng máy tính và Internet thông qua công tác tuyên truyền sử dụng các dịch vụ công trực tuyến.

Phổ cập tin học cho nhân dân, nhằm phổ biến kiến thức, đào tạo về sử dụng các ứng dụng công nghệ thông tin cho nhân dân, đặc biệt là nhân dân sống ở khu vực nông thôn.

*** Nâng cấp hệ thống các trường, đơn vị giáo dục đào tạo công nghệ thông tin**

Có hệ thống cơ chế, chính sách nhằm khuyến khích và thu hút các tổ chức, cá nhân trong tỉnh đầu tư phát triển các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực công nghệ thông tin và truyền thông với nhiều quy mô khác nhau.

Nâng cấp và xây dựng mới một số cơ sở đào tạo công nghệ thông tin chất lượng cao đáp ứng nhu cầu về lao động chuyên nghiệp cho các cơ quan, doanh nghiệp.

*** Xây dựng và phát triển đội ngũ chuyên trách công nghệ thông tin**

Các Sở, ban ngành, các huyện, thành phố đều có cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu tổ chức, chỉ đạo, triển khai ứng dụng CNTT trong đơn vị mình, địa phương mình.

d) Phát triển công nghiệp công nghệ thông tin

*** Công nghiệp phần cứng**

Thu hút các dự án kêu gọi đầu tư xây dựng và khuyến khích các doanh nghiệp công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh phát triển dịch vụ phần cứng.

Tiếp tục đẩy mạnh hợp tác liên kết với các doanh nghiệp lớn trong và ngoài nước xây dựng các nhà máy sản xuất, tích hợp sản phẩm tin học, lắp ráp linh kiện điện, điện tử, đồng thời phát triển các sản phẩm công nghệ cao tại các

khu công nghiệp của tỉnh, như khu công nghiệp Đình Trám, Quang Châu trên cơ sở khai thác lợi thế về đất đai và nguồn lao động địa phương.

Xây dựng và đào tạo đội ngũ nghiên cứu thiết kế và phát triển các sản phẩm công nghệ cao, có hàm lượng trí tuệ cao.

*** Công nghiệp phần mềm và nội dung số**

- Chú trọng đào tạo nguồn nhân lực công nghệ thông tin theo hướng chuyên sâu và chuyên nghiệp; tạo điều kiện xã hội tốt, cơ sở hạ tầng thuận lợi để thu hút nguồn nhân lực sản xuất phần mềm và nội dung số trên địa bàn.

- Phát triển thị trường công nghiệp phần mềm, đặc biệt là thị trường gia công xuất khẩu phần mềm và dịch vụ; nghiên cứu xây dựng và phát triển phần mềm mã nguồn mở.

- Hình thành và phát triển công nghiệp nội dung số gắn với cung cấp dịch vụ công nghệ thông tin trên địa bàn.

III. CÁC GIẢI PHÁP ĐỂ ĐẠT MỤC TIÊU QUY HOẠCH VÀ CƠ CHẾ CHÍNH SÁCH

1. Nhóm giải pháp về bưu chính, viễn thông gồm:

- Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư xây dựng hạ tầng và cung cấp các dịch vụ bưu chính, viễn thông trên địa bàn.

- Làm tốt công tác Quy hoạch và quản lý Quy hoạch đảm bảo cho các doanh nghiệp đầu tư có hiệu quả, phục vụ nhu cầu trước mắt cũng như lâu dài, thực hiện dùng chung hạ tầng và đảm bảo mỹ quan đô thị và an toàn, an ninh thông tin.

- Khuyến khích các doanh nghiệp bưu chính, viễn thông đa dạng hóa các dịch vụ kinh doanh, thực hiện phối hợp và phát triển vững chắc giữa các doanh nghiệp, đảm bảo cạnh tranh bình đẳng trên địa bàn.

- Làm tốt công tác bảo vệ mạng lưới, đảm bảo an toàn và an ninh cho các doanh nghiệp đầu tư kinh doanh trên địa bàn.

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước, nâng cao năng lực quản lý nhà nước về thông tin và truyền thông của sở Thông tin và Truyền thông, phòng Văn hóa thông tin các huyện, thành phố để chỉ đạo quản lý quy hoạch và quản lý nhà nước về thông tin và truyền thông.

2. Nhóm giải pháp về ứng dụng công nghệ thông tin gồm:

- Tăng cường chỉ đạo, nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành các doanh nghiệp và nhân dân về ứng dụng CNTT; gắn trách nhiệm của người đứng đầu với kết quả ứng dụng CNTT trong từng cơ quan nhà nước.

- Huy động các nguồn vốn từ ngân sách địa phương, vốn hỗ trợ từ ngân sách Trung ương, vốn đầu tư nước ngoài, vốn của doanh nghiệp và vốn trong dân cư.... để đầu tư cho ứng dụng CNTT trên địa bàn.

- Chú trọng phát triển nguồn nhân lực CNTT trong các khu vực nhà nước-doanh nghiệp- nhân dân. Trong đó, phát triển nguồn nhân lực trong các cơ quan nhà nước là yếu tố then chốt.

- Hỗ trợ nguồn nhân lực tại địa phương phát triển phần mềm, xây dựng các hệ thống cung cấp dịch vụ ứng dụng CNTT. Chú trọng phát triển và sử dụng các phần mềm nguồn mở nhằm đảm bảo an toàn và an ninh thông tin, tiết kiệm chi phí đầu tư, triển khai.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Thông tin và Truyền thông:

Chủ trì, phối hợp với các ngành, địa phương, truyên truyền và tổ chức triển khai, tổng hợp tình hình thực hiện quy hoạch; báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Thông tin và Truyền thông cân đối, khai thác các nguồn lực đầu tư cho các chương trình, dự án phát triển bưu chính, viễn thông và CNTT trên địa bàn tỉnh.

3. Sở Tài chính:

Chủ trì, phối hợp với các ngành có liên quan, có trách nhiệm cân đối, bố trí các nguồn vốn ngân sách đầu tư cho phát triển bưu chính, viễn thông và CNTT, đặc biệt là đầu tư cho ứng dụng và phát triển CNTT trong khối cơ quan Đảng và Chính quyền trong toàn tỉnh.

4. Các Sở, ngành; UBND các huyện, thành phố:

Các Sở, ngành; UBND các huyện, thành phố có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Quy hoạch và phối hợp chặt chẽ với Sở Thông tin và Truyền thông trong quá trình tổ chức thực hiện Quy hoạch.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Giám đốc Sở, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị, cá nhân liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Bộ Thông tin và Truyền thông (b/c);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh:
  + LĐVP, TKCT, Trưởng các phòng, đơn vị;
  + Lưu: VT, KT3.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Bùi Văn Hạnh